

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Nhập môn Trung Quốc học		
Mã học phần:	71SINO40012	Số tín chỉ:	02
Mã nhóm lớp học phần:	231_71SINO40012_01		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman

- Size: 13

- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1

+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Viết chính xác chữ Hán	X	10%	3	2	
CLO2	Đọc và viết chính xác phiên âm tiếng Trung	X	20%	1	1	
CLO3	Trình bày chính xác kiến thức tổng quan về các lĩnh vực kinh tế, xã hội, địa lý, lịch sử, quan hệ quốc tế... của đất nước Trung Quốc	X	10%	7	1	
CLO4	Diễn đạt chính xác các mẫu câu theo tình huống	X	30%	2	2	
CLO5	Phân biệt chính xác các âm bật hơi – không bật hơi; âm uốn lưỡi – không uốn lưỡi; nguyên âm đơn – nguyên âm phức hợp	X	30%	4/5/6	4	

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Câu hỏi 1: (1 điểm)

Đọc chính xác các âm tiết được liệt kê trong bảng dưới đây

	念拼音，注意声调	Đọc phiên âm, chú ý thanh điệu			
T1T1	guānfāng	kāixīn	fāyīn	gōngkāi	wēijī
T1T2	tūrán	xīnnián	yāoqiú	jīyú	kēxué
T1T3	fēngsuǒ	bāoguǒ	shēntǐ	hēibǎn	bēnpǎo
T1T4	fēngbào	jiēdài	gānjìng	fānyì	wēndù
T2T1	tígāo	zuótiān	xióngmāo	wénzhāng	wéiguān
T2T2	gélí	liánhé	tóngshí	yíchuán	rényuán
T2T3	hélǐ	liútǎng	tuánzhǎng	xínglǐ	tuántǐ
T2T4	xíngdòng	cháyè	tánhuà	yígòng	fēipáng
T3T1	guǎnjiā	zhǐzhāng	zhǐchū	hǎotīng	dǎgōng
T3T2	kěnéng	fǎnhuí	shuǐpíng	pǐnpái	bǐrú
T3T3	měihǎo	Běihǎi	yǔfǎ	guǎnlǐ	wǎngfǎn
T3T4	tǎoyàn	wǎnggòu	shǎojiàn	zhǒnglèi	kǒuwèi
T4T1	quànshuō	zìsī	zuìjiā	nàozhōng	xìnxīn
T4T2	mànyán	wèilái	kàoláo	huàtí	yìshí
T4T3	yàngběn	kànhǎo	zuòfǎ	mòxǔ	jùběn
T4T4	zàijiàn	fèiyòng	yàohài	bèndàn	guìxing

Câu hỏi 2: (2 điểm)

Đọc chính xác các câu, cụm từ được liệt kê trong bảng dưới đây

Tóngxuémen hào 同学们 好!	Chào các bạn!	Qǐng dú yíxià 请 读 一 下 。	Mời bạn đọc.
Shàng kè 上 课 。	Lớp học bắt đầu.	Qǐng xiě yíxià 请 写 一 下 。	Mời bạn viết.
Xià kè 下 课 。	Lớp học kết thúc.	Qǐng kàn hēibǎn 请 看 黑 板 。	Mời các bạn nhìn lên bảng.
Xiūxi yíxià 休 息 一 下 。	Giải lao.	Duì bu duì 对 不 对 ？	Đúng không?
Jìxù shàngkè 继 续 上 课 。	Tiếp tục học.	Dǒng bu dǒng 懂 不 懂 ？	Bạn có hiểu không?
Qǐng tīng wǒ shuō 请 听 我 说 。	Nghe Thầy/ Cô nói.	Qǐng jǔ shǒu 请 举 手 。	Mời giơ tay.
Qǐng tīng wǒ fāyīn 请 听 我 发 音 。	Nghe Thầy/ Cô phát âm.	Qǐng ān jìng 请 安 静 。	Giữ im lặng.
Qǐng dǎ kāi shū 请 打 开 书	Mở sách.	Xiànzài zuò liànxí 现 在 做 练 习 。	Bây giờ làm bài tập.
Qǐng tīng lùyīn 请 听 录 音 。	Nghe thu âm.	Qǐng zài shuō yíbiàn 请 再 说 一 遍 。	Nghe lại lần nữa.
Qǐng gēn wǒ dú 请 跟 我 读 。	Đọc theo Thầy/ Cô.	Yǒu wèntí qǐng wèn 有 问 题 请 问 。	Nếu có vấn đề gì, mời các bạn hỏi.

Câu hỏi 3: (2 điểm)**Trả lời câu hỏi sau:**

你叫什么名字？

Nǐ jiào shénme míngzì?

你喜欢汉语吗？

Nǐ xǐhuān Hànyǔ ma?

Câu hỏi 4: (2 điểm)**Nghe và điền các thanh mẫu tương ứng vào chỗ trống**

1. ___ ē ___ ì ___ ù
 ___ ēng ___ uáng ___ āo
 ___ ōng ___ ǎn ___ è
 ___ ǔ ___ āng ___ uěi
 ___ ǎn ___ ǒng
2. ___ ēn ___ èng ___ ēng ___ ǎn ___ ē ___ àn
 ___ éng ___ ì ___ áng ___ áng ___ ēng ___ ì
 ___ ī ___ ì

Câu hỏi 5: (1 điểm)

Nghe và điền các thanh điệu tương ứng vào chỗ trống

- | | | | |
|----|---------|---------|-----------|
| 1. | mian | xüe | jie |
| | liou | piao | niou |
| | bian | nü | xing |
| 2. | xiatian | jinnian | jingji |
| | xuexiao | jiating | xiangjiao |

Câu hỏi 6: (1 điểm)**Nghe và điền các vận mẫu và thanh điệu tương ứng vào chỗ trống**

zh__	sh__	r__	ch__
sh__	zh__	ch__	sh__
r__	zh__	ch__	r__
sh__	ch__	r__	zh__
sh__	ch__	r__	zh__

Câu hỏi 7: (1 điểm)

Bộ thủ chữ Hán là gì? Cho ví dụ minh họa.

ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận			
Câu 1	Căn cứ theo file sinh viên đính kèm	1.0	
Câu 2	Căn cứ theo file sinh viên đính kèm	2.0	
Câu 3	Căn cứ theo nội dung sinh viên trả lời	2.0	
Câu 4	Căn cứ theo nội dung sinh viên trả lời	2.0	
Câu 5	Căn cứ theo nội dung sinh viên trả lời	1.0	
Câu 6	Căn cứ theo nội dung sinh viên trả lời	1.0	
Câu 7	Căn cứ theo nội dung sinh viên trả lời	1.0	
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề



TS. Nguyễn Tiến Lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

Giảng viên ra đề



TS. Nguyễn Tiến Lập